

Số: **04/2021/QĐST-KDTM**

Tuy Hòa, ngày 07 tháng 6 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213, Khoản 3 Điều 144, Khoản 3 Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 6, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 01/2021/TLST- KDTM ngày 07/01/2021.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thoả thuận giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng X. Địa chỉ: đường M, Quận H, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Đường T, Phường Y, Tp. T, tỉnh Phú Yên. Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T – Chủ tịch Hội đồng quản trị. Đại diện theo ủy quyền: ông Lê Minh P – Giám đốc Chi nhánh Phú Yên. Đại diện theo ủy quyền lại: Chị Trần Thị Thanh N – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch thành phố Tuy Hòa và anh Lâm Vũ Chí H – Chuyên viên

- Bị đơn: Vợ chồng ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố P, phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị B: ông Đỗ Ngọc T, sinh năm 1970. Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố P, phường H, Thị xã Đ, tỉnh Phú Yên).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn vợ chồng ông Đỗ Ngọc T và bà Nguyễn Thị B thống nhất trả cho nguyên đơn Ngân hàng X tổng số nợ phát sinh đến ngày 28/5/2021 là 19.068.046.826 đồng (*Mười chín tỷ không trăm sáu mươi tám triệu không trăm bốn mươi sáu nghìn tám trăm hai mươi sáu đồng*), trong đó nợ gốc là 17.470.500.000 đồng, nợ lãi là 1.475.593.584 đồng, phí trả chậm là 121.953.242 đồng theo nội dung Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2016/8630811/HĐTD ngày 20/9/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng này.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày lập biên bản hòa giải thành (29/5/2021) cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo lãi suất thỏa thuận giữa các bên tại Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/2016/8630811/HĐTD ngày 20/9/2016 và các văn bản sửa đổi, bổ sung kèm theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tương ứng với số tiền và thời gian chưa trả.

Hai bên thống nhất thời hạn trả dứt điểm toàn bộ nợ vay chậm nhất đến ngày 25/12/2021. Bị đơn cam kết mua bảo hiểm cho tàu cá số hiệu PY-99993-TS theo quy định pháp luật cho đến ngày 25/12/2021.

Trường hợp bị đơn vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào theo thỏa thuận giữa các bên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa xử lý các tài sản thế chấp, gồm:

- Tàu cá vỏ thép, số đăng ký PY-99993-TS, Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 22/2017 do Chi cục thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Phú Yên cấp ngày 23/01/2017 cho ông Đỗ Ngọc T và các tài sản khác theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2017/8630811/HĐBĐ lập ngày 15/3/2017 và văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 03/2017/8630811/SĐBS lập ngày 13/11/2017 sửa đổi phần tài sản thế chấp.

- Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất diện tích 151m² tại thửa đất số 772, TBDS: 69-C, địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (Nay là khu phố P, phường H, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM 071199 do UBND huyện Đ cấp ngày 15/10/2012 cho bà Trần Thị Ng và ông Nguyễn Thái H. tặng cho vợ chồng ông Đỗ Ngọc T và bà Nguyễn Thị B theo hồ sơ số 000549.TA.VP ngày 16/11/2014 của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ theo nội dung Hợp đồng thế chấp Bất động sản số 01/2016/8423488/HĐBĐ ngày 30/3/2016.

Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bị đơn chịu 1.310.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ cho Tòa án nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 1.310.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn vợ chồng ông Đỗ Ngọc T, Nguyễn Thị B chịu 63.534.023 đồng (*Sáu mươi ba triệu năm trăm ba mươi bốn nghìn không trăm hai mươi ba đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng X số tiền 63.355.544 đồng (*Sáu mươi ba triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn năm trăm bốn mươi bốn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0006963 ngày 07/01/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Áp dụng điều 26 Luật Thi hành án dân sự: Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b; 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND Tp. Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Đặng Thị Ngọc Uyên